SỞ Y TẾ TỈNH QUẢNG TRỊ
BVĐK KV TRIỆU PHONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 6934/QĐ-BVĐK

Triệu Phong, ngày 06 tháng 11 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Thuốc generic bổ sung lần 3 sử dụng năm 2026-2027 của Bệnh viện đa khoa khu vực Triệu Phong

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC TRIỆU PHONG

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/06/2023 của Quốc hội; đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 và Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 08 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 349/2026/NĐ-CP ngày 09 tháng 09 năm 2026 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 40/2025/TT-BYT ngày 25 tháng 10 năm 2025 của Bộ Y tế quy định về đấu thầu thuốc tại cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1806/QĐ-UBND ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bệnh viện đa khoa khu vực Triệu Phong thuộc Sở Y tế;

Căn cứ Quyết định số 6910/QĐ-BVĐK ngày 04 tháng 11 năm 2026 về việc phê duyệt dự toán mua sắm thuốc generic bổ sung lần 3 sử dụng năm 2026-2027 của Bệnh viện đa khoa khu vực Triệu Phong;

Theo đề nghị của Trưởng Khoa Dược-TTB-VTYT Bệnh viện đa khoa khu vực Triệu Phong tại Tờ trình số 38/TTr-KD ngày 05/11/2026 về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Thuốc generic bổ sung lần 3 sử dụng năm 2026-2027 của Bệnh viện đa khoa khu vực Triệu Phong.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Thuốc generic bổ sung lần 3 sử dụng năm 2026-2027 của Bệnh viện đa khoa khu vực Triệu Phong với nội dung chi tiết theo Phụ lục đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Trưởng Khoa Dược-TTB-VTYT, Phòng Tài chính-Kế toán, các Khoa/Phòng/Bộ phận/Tổ có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- BGĐ;
- Lưu VT.

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH QUẢNG TRỊ
BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC TRIỆU PHONG

Hoàng Thanh Hải

PHỤ LỤC I

KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU DỰ TOÁN MUA SẮM THUỐC GENERIC BỔ SUNG LẦN 3 SỬ DỤNG NĂM 2026-2027 CỦA BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC TRIỆU PHONG.

(Kèm theo Quyết định số 6934/QĐ-BVĐK ngày 06 tháng 11 năm 2026 của Bệnh viện đa khoa khu vực Triệu Phong)

STT	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu		Giá gói thầu	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tùy chọn mua thêm
		Tên gói thầu	Tóm tắt công việc chính của gói thầu									
1	Bệnh viện đa khoa khu vực Triệu Phong	Thuốc generic bổ sung lần 3 sử dụng năm 2026-2027 của Bệnh viện đa khoa khu vực Triệu Phong	Mua sắm Thuốc generic bổ sung lần 3 sử dụng năm 2026-2027 của Bệnh viện đa khoa khu vực Triệu Phong	**1.220.084.520**	Nguồn quỹ bảo hiểm y tế, nguồn thu dịch vụ và các nguồn thu hợp pháp khác của Bệnh viện đa khoa khu vực Triệu Phong	Chào giá trực tuyến rút gọn, qua mạng	Không	30 ngày	Quý IV, năm 2026	Hợp đồng theo đơn giá cố định	12 tháng, kể từ ngày hợp đồng mua bán được ký kết có hiệu lực.	Không áp dụng
Tổng giá gói thầu				**1.220.084.520**								

(Bằng chữ: Một tỷ hai trăm hai mươi triệu không trăm tám mươi bốn ngàn năm trăm hai mươi đồng).

DANH MỤC GÓI THẦU THUỐC GENERIC BỔ SUNG LẦN 3 SỬ DỤNG NĂM 2026-2027 CỦA BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC TRIỆU PHONG

(Kèm theo Quyết định số 6939 /QĐ-BVĐK ngày 06 tháng 11 năm 2026 của Bệnh viện đa khoa khu vực Triệu Phong)

STT	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ - Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (VND)	Thành tiền
1	A/Missouri/11/2025 (H1N1)pdm09-like strain (A/Missouri/11/2025, IVR-279) A/Darwin/1454/2025 (H3N2)-like strain (A/Michigan/105/2025, SAN-049A) B/Tokyo/EIS13-175/2025-like strain (B/Tokyo/EIS13-175/2025, wild type)	Nhóm 1	Mỗi 0,5 ml vắc xin chứa: A/Missouri/11/2025 (H1N1)pdm09-like strain (A/Missouri/11/2025, IVR-279) 15 µg haemagglutinin A/Darwin/1454/2025 (H3N2)-like strain (A/Michigan/105/2025, SAN-049A) 15 µg haemagglutinin B/Tokyo/EIS13-175/2025-like strain (B/Tokyo/EIS13-175/2025, wild type) 15 µg haemagglutinin	Tiêm	Thuốc tiêm	Xy lanh	700	264.000	184.800.000
2	Huyết thanh tuýp 1 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 3 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 4 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 5 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 6A polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 6B polysaccharid phế cầu khuẩn 4,4mcg; Huyết thanh tuýp 7F polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 9V polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 14 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 18C polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 19A polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 19Fpolysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 23F polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg ; Cộng với Protein vận chuyển CRM197 32mcg	Nhóm 1	Mỗi bơm tiêm chứa một liều đơn 0.5ml có chứa: Huyết thanh tuýp 1 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 3 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 4 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 5 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 6A polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 6B polysaccharid phế cầu khuẩn 4,4mcg; Huyết thanh tuýp 7F polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 9V polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 14 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 18C polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 19A polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 19F polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 23F polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg ; Cộng với Protein vận chuyển CRM197 32mcg	Tiêm	Thuốc tiêm	Bơm tiêm	100	1.077.300	107.730.000
3	Mỗi liều 0,5mL chứa 30mcg protein L1 HPV týp 6; 40mcg protein L1 HPV týp 11; 60mcg protein L1 HPV týp 16; 40mcg protein L1 HPV týp 18; 20mcg protein L1 HPV cho mỗi týp 31,33,45,52 và 58	Nhóm 1	Mỗi liều 0,5mL chứa 30mcg protein L1 HPV týp 6; 40mcg protein L1 HPV týp 11; 60mcg protein L1 HPV týp 16; 40mcg protein L1 HPV týp 18; 20mcg protein L1 HPV cho mỗi týp 31,33,45,52 và 58	Tiêm	Thuốc tiêm	Bơm tiêm	10	2.726.850	27.268.500
4	Virus thủy đậu sống giảm độc lực (chủng OKA) ≥ 10^3,3 PFU	Nhóm 1	Virus thủy đậu sống giảm độc lực (chủng OKA) ≥ 10^3,3 PFU	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ	200	836.164	167.232.800
5	Bơm tiêm nạp sẵn 1 liều 0,5ml vắc xin (dạng mảnh, bất hoạt): A/Missouri/11/2025 (H1N1)pdm09 - sử dụng chủng tương đương (A/Switzerland/6849/2025, IVR-278) 15mcg HA; A/Darwin/1454/2025 (H3N2) - sử dụng chủng tương đương (A/Michigan/105/2025, SAN-049A) 15mcg HA; B/Tokyo/EIS13-175/2025 - sử dụng chủng tương đương (B/Tokyo/EIS13-175/2025, chủng hoang dã) 15mcg HA	Nhóm 1	Bơm tiêm nạp sẵn 1 liều 0,5ml vắc xin (dạng mảnh, bất hoạt): A/Missouri/11/2025 (H1N1)pdm09 - sử dụng chủng tương đương (A/Switzerland/6849/2025, IVR-278) 15mcg HA; A/Darwin/1454/2025 (H3N2) - sử dụng chủng tương đương (A/Michigan/105/2025, SAN-049A) 15mcg HA; B/Tokyo/EIS13-175/2025 - sử dụng chủng tương đương (B/Tokyo/EIS13-175/2025, chủng hoang dã) 15mcg HA	Tiêm	Thuốc tiêm	Bơm tiêm	400	270.000	108.000.000
6	Liều 0,5ml chứa: - Vi rút Sởi ≥ 1.000 CCID50; - Vi rút Quai bị ≥ 12.500 CCID50; - Vi rút Rubella ≥ 1.000 CCID50;	Nhóm 1	Liều 0,5ml chứa: - Vi rút Sởi ≥ 1.000 CCID50; - Vi rút Quai bị ≥ 12.500 CCID50; - Vi rút Rubella ≥ 1.000 CCID50;	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ	150	391.781	58.767.150

7	Mỗi liều 1ml chứa Hepatitis A virus antigen (HM175 strain) 720 Elisa units; r-DNA Hepatitis B virus surface antigen (HBsAg) 20mcg	Nhóm 1	Mỗi liều 1ml chứa Hepatitis A virus antigen (HM175 strain) 720 Elisa units; r-DNA Hepatitis B virus surface antigen (HBsAg) 20mcg	Tiêm	Thuốc tiêm	Liều	30	546.842	16.405.260
8	Sau khi hoàn nguyên 01 liều (0,5ml) chứa: Giải độc tố bạch hầu ≥ 30IU; Giải độc tố uốn ván ≥ 40IU; Các kháng nguyên Bordetella pertussis gồm giải độc tố ho gà 25mcg và ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi 25mcg và Pertactin 8mcg; Kháng nguyên bề mặt virus viêm gan B 10mcg; Virus bại liệt týp 1 bất hoạt (chủng Mahoney) 40DU; Virus bại liệt týp 2 bất hoạt (chủng MEF-1) 8DU; Virus bại liệt týp 3 bất hoạt (chủng Saukett) 32DU; Polysaccharide của Haemophilus influenza týp b 10mcg cộng hợp với 25mcg giải độc tố uốn ván như protein chất mang	Nhóm 1	Sau khi hoàn nguyên 01 liều (0,5ml) chứa: Giải độc tố bạch hầu ≥ 30IU; Giải độc tố uốn ván ≥ 40IU; Các kháng nguyên Bordetella pertussis gồm giải độc tố ho gà 25mcg và ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi 25mcg và Pertactin 8mcg; Kháng nguyên bề mặt virus viêm gan B 10mcg; Virus bại liệt týp 1 bất hoạt (chủng Mahoney) 40DU; Virus bại liệt týp 2 bất hoạt (chủng MEF-1) 8DU; Virus bại liệt týp 3 bất hoạt (chủng Saukett) 32DU; Polysaccharide của Haemophilus influenza týp b 10mcg cộng hợp với 25mcg giải độc tố uốn ván như protein chất mang	Tiêm	Thuốc tiêm	Liều	100	945.704	94.570.400
9	Mỗi liều vắc-xin (0,5 ml) chứa 25mcg mỗi loại trong số 23 loại huyết thanh polysaccharide của phế cầu khuẩn Đan Mạch: 1, 2, 3, 4, 5, 6B, 7F, 8, 9N, 9V, 10A, 11A, 12F, 14, 15B, 17F, 18C, 19A, 19F, 20, 22F, 23F, 33F	Nhóm 1	Mỗi liều vắc-xin (0,5 ml) chứa 25mcg mỗi loại trong số 23 loại huyết thanh polysaccharide của phế cầu khuẩn Đan Mạch: 1, 2, 3, 4, 5, 6B, 7F, 8, 9N, 9V, 10A, 11A, 12F, 14, 15B, 17F, 18C, 19A, 19F, 20, 22F, 23F, 33F	Tiêm	Thuốc tiêm	Bơm tiêm	20	820.768	16.415.360
10	Mỗi liều 0,5ml chứa: Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh A) (đơn giá cộng hợp)* 10mcg; Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh C) (đơn giá cộng hợp)*10mcg; Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh W135) (đơn giá cộng hợp)* 10mcg; Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh Y) (đơn giá cộng hợp)* 10mcg *được cộng hợp với chất mang là protein giải độc tố uốn ván khoảng 55mcg	Nhóm 1	Mỗi liều 0,5ml chứa: Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh A) (đơn giá cộng hợp)* 10mcg; Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh C) (đơn giá cộng hợp)*10mcg; Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh W135) (đơn giá cộng hợp)* 10mcg; Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh Y) (đơn giá cộng hợp)* 10mcg *được cộng hợp với chất mang là protein giải độc tố uốn ván khoảng 55mcg	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ	20	1.653.750	33.075.000
11	Mỗi liều 0,5ml sau hoàn nguyên chứa 50mcg kháng nguyên gE tái tổ hợp của vi rút Varicella Zoster (VZV) được bổ trợ với AS01B	Nhóm 1	Mỗi liều 0,5ml sau hoàn nguyên chứa 50mcg kháng nguyên gE tái tổ hợp của vi rút Varicella Zoster (VZV) được bổ trợ với AS01B	Tiêm	Thuốc tiêm	Hộp	10	3.395.385	33.953.850
12	Kháng nguyên virus cúm Type A (H1N1); Kháng nguyên virus cúm Type A (H3N2); Kháng nguyên virus cúm Type B	Nhóm 2	Mỗi liều 0.5 ml chứa: Kháng nguyên virus cúm Type A (H1N1) 15 µg Kháng nguyên virus cúm Type A (H3N2) 15 µg Kháng nguyên virus cúm Type B 15 µg	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống	300	259.140	77.742.000
13	Vắc xin phòng Viêm gan B	Nhóm 4	Kháng nguyên bề mặt vi rút viêm gan B tinh khiết ≈ 20µg/1ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ	200	80.640	16.128.000
14	Huyết thanh kháng độc tố uốn ván tinh chế (SAT)	Nhóm 4	1500 đvqt	Tiêm bắp	Dung dịch tiêm	Ống	1.500	34.852	52.278.000
15	Bisoprolol fumarat + hydroclorothiazid	Nhóm 4	5mg + 12,5mg	Uống	Viên	Viên	5.000	840	4.200.000
16	Cefotaxim	Nhóm 4	1g	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống	5.000	5.835	29.175.000
17	Mỗi liều 0,5ml chứa: Virus dại bất hoạt (chủng Pitman moore, được nhân giống trên tế bào Vero) ≥ 2,5 IU	Nhóm 5	Mỗi liều 0,5ml chứa: Virus dại bất hoạt (chủng Pitman moore, được nhân giống trên tế bào Vero) ≥ 2,5 IU/0,5ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ	200	175.770	35.154.000
18	Mỗi liều 0,5ml chứa: Virus dại bất hoạt (chủng Pitman moore, được nhân giống trên tế bào Vero) ≥ 2,5 IU	Nhóm 5	Mỗi liều 0,5ml chứa: Virus dại bất hoạt (chủng Pitman moore, được nhân giống trên tế bào Vero) ≥ 2,5 IU	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ	500	191.415	95.707.500

19	Mỗi liều 0,5ml chứa: Protein màng ngoài não mô cầu nhóm B 50µg; Polysaccharide vỏ não mô cầu nhóm C 50µg	Nhóm 5	Mỗi liều 0,5ml chứa: Protein màng ngoài não mô cầu nhóm B 50µg; Polysaccharide vỏ não mô cầu nhóm C 50µg	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ	300	204.939	61.481.700
	Tổng cộng: 19 khoản								**1.220.084.520**

(Bằng chữ: Một tỷ hai trăm hai mươi triệu không trăm tám mươi bốn ngàn năm trăm hai mươi đồng.)